

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (24 -)/DA21TYC

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: Trao đổi

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 6 / 2022

Phòng thi: 071.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111321045	Nguyễn Lê Khanh	12/04/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	001	<u>Nguyễn Lê Khanh</u>		
2	111321127	Đặng Ngọc Hân	23/09/2003	Nữ	9,0	5,5	7,3	002	<u>Đặng Ngọc Hân</u>		
3	111321131	Trần Nhật Tân	10/10/2003	Nam	8,0	6,5	7,3	003	<u>Trần Nhật Tân</u>		
4	111321132	Thạch Phú Thuận	03/05/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	004	<u>Thạch Phú Thuận</u>		
5	111321133	Mai Phan Hoàng Diệu	28/03/2003	Nữ	8,0	6,8	7,4	005	<u>Mai Phan Hoàng Diệu</u>		
6	111321136	Cao Thúy Vy	15/12/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	006	<u>Cao Thúy Vy</u>		
7	111321137	Nguyễn Duy Khang	22/02/2003	Nam	8,0	4,8	6,4	007	<u>Nguyễn Duy Khang</u>		
8	111321138	Sơn Chí Nguyên	17/10/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	008	<u>Sơn Chí Nguyên</u>		
9	111321144	Huỳnh Thị Diễm My	16/01/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	009	<u>Huỳnh Thị Diễm My</u>		
10	111321146	Phạm Quốc Bảo	10/04/2003	Nam	8,0	3,5	5,8	010	<u>Phạm Quốc Bảo</u>		
11	111321147	Lê Tấn Tài	19/06/2003	Nam	8,0	3,8	5,9	011	<u>Lê Tấn Tài</u>		
12	111321149	Trần Minh Trạng	09/07/2003	Nam	—	—	—	—	—		
13	111321150	Nguyễn Trường Linh	12/02/2003	Nam	—	—	—	—	—		
14	111321154	Thạch Thị Sa Di	13/12/2003	Nữ	8,0	—	—	—	—		
15	111321155	Đặng Văn Thọ	26/04/2003	Nam	8,0	—	—	—	—		
16	111321157	Trần Thanh Liêm	12/03/2003	Nam	—	—	—	—	—		
17	111321162	Phạm Chí Tình	10/04/2002	Nam	8,0	—	—	—	—		
18	111321165	Thạch Thanh Ra	07/05/1993	Nam	8,0	3,5	5,8	018	<u>Thạch Thanh Ra</u>		
19	111321167	Bạch Huệ Vân	08/04/2003	Nữ	—	—	—	—	—		
20	111321170	Nguyễn Tấn Tài	28/09/2003	Nam	8,0	5,0	6,5	020	<u>Nguyễn Tấn Tài</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 13...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 13...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 05 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Nguyễn

Cán bộ ghi điểm: Trần Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (24 -)/DA21TYC

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....14/6/2022.....

Phòng thi:.....D71.106.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111321173	Trần Thành Đạt	20/05/2003	Nam	10,0	5,8	7,9	001	<i>Đạt</i>		
2	111321174	Trần Yến Vy	20/06/2003	Nữ	8,0	—	—	—	<i>Yến Vy</i>		
3	111321175	Kim Thị Ly	21/01/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	003	<i>Kim Thị Ly</i>		
4	111321177	Thạch Thị Phượng	23/07/2003	Nữ	8,0	3,5	5,8	004	<i>Thạch Thị Phượng</i>		
5	111321182	Nguyễn Thị Xuân Yến	25/07/2003	Nữ	8,0	5,0	6,5	005	<i>Nguyễn Thị Xuân Yến</i>		
6	111321184	Trần Thị Lộc	11/03/2003	Nữ	8,0	4,8	6,4	006	<i>Trần Thị Lộc</i>		
7	111321187	Nguyễn Hoàng An Khang	09/06/2003	Nam	8,0	3,5	5,8	007	<i>Nguyễn Hoàng An Khang</i>		
8	111321189	Nguyễn Nhật Phàm	22/07/2003	Nam	8,0	3,8	5,9	008	<i>Nguyễn Nhật Phàm</i>		
9	111321192	Trương Phi Nhung	05/06/2002	Nữ	8,0	5,5	6,8	009	<i>Trương Phi Nhung</i>		
10	111321193	Lê Tuấn Khanh	26/03/2003	Nam	8,0	5,0	6,5	010	<i>Lê Tuấn Khanh</i>		
11	111321196	Bùi Ngô Quyền Linh	26/01/2003	Nữ	8,5	4,8	6,7	011	<i>Bùi Ngô Quyền Linh</i>		
12	111321202	Nguyễn Khoa Nam	19/11/2003	Nam	8,5	4,5	6,5	012	<i>Nguyễn Khoa Nam</i>		
13	111321204	Nguyễn Thị Minh Thu	09/09/2003	Nữ	8,0	3,8	5,9	013	<i>Nguyễn Thị Minh Thu</i>		
14	111321206	Nguyễn Phúc Thịnh	01/01/2003	Nam	8,0	3,5	5,8	014	<i>Nguyễn Phúc Thịnh</i>		
15	111321210	Nguyễn Thái Bảo	25/03/2003	Nam	8,0	3,8	5,9	015	<i>Nguyễn Thái Bảo</i>		
16	111321211	Trương Thị Tuyết Linh	17/08/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	016	<i>Trương Thị Tuyết Linh</i>		
17	111321212	Võ Thị Yến Nhi	18/11/2003	Nữ	8,0	4,0	6,0	017	<i>Võ Thị Yến Nhi</i>		
18	111321214	Thạch Phi Na Vi	19/08/2003	Nam	8,0	3,8	5,9	018	<i>Thạch Phi Na Vi</i>		
19	111321222	Lê Thị Anh Thư	16/10/2003	Nữ	8,0	5,8	6,9	019	<i>Lê Thị Anh Thư</i>		
20	111321223	Lý Khánh An	08/10/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	020	<i>Lý Khánh An</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:19.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....19.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày03..... tháng8..... năm2022.....

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (24 -)/DA21TYC

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 06 / 2022Phòng thi: D71 107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh cni
1	111321226	Ông Thị Diễm	Bình	07/05/2003	Nữ	8,0	2.5	5,3	001	Bình	
2	111321230	Ông Thị Bình	Nhi	07/05/2003	Nữ	8,0	2.5	5,3	002	Nhi	
3	111321231	La Cao Hồng	Lợi	07/02/2003	Nam	8,0	2.5	5,3	003	Lợi	
4	111321236	Trần Kiều	Anh	09/12/2003	Nữ	8,0	3.5	5,8	004	Anh	
5	111321238	Nguyễn Thị Kim	Oanh	08/08/2003	Nữ	8,0	3.3	5,7	005	Kim	
6	111321239	Trần Thanh	Hậu	13/09/2003	Nam	8,0	—	—	—	—	
7	111321240	Trần Hoàng	Ân	29/09/1999	Nam	8,0	—	—	—	—	
8	111321242	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	09/06/2003	Nam	8,0	—	—	—	—	
9	111321244	Kim Sơn	Bình	29/01/2002	Nam	8,0	—	—	—	—	
10	111321245	Nguyễn Minh	Ngọc	01/11/2003	Nam	8,0	3.3	5,7	010	Minh	
11	119421003	Trần Hải	Đăng	21/11/2002	Nam	8,0	—	—	—	—	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06Tổng số tờ: 06Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc AnhCán bộ coi thi 2: Trần Ngọc AnhĐiểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 02 tháng 08 năm 2022Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn LaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (24 -)/DA21YTC

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

14 / 6 / 2022

Phòng thi: D.7.1.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116121004	Lê Mẫn Nghi	14/11/2003	Nữ	—	—	—	—	—	—	Vay
2	116121007	Nguyễn Thị Thanh Xuân	13/12/2003	Nữ	7,8	—	—	—	—	—	Vay
3	116121008	Mai Trần Phú	03/10/2003	Nam	—	—	—	—	—	—	Vay
4	116121011	Bùi Ngọc Thúy Duy	04/06/2003	Nữ	7,5	—	—	—	—	—	Vay
5	116121013	Phạm Thị Diễm Thuý	20/04/1991	Nữ	8,3	—	—	—	—	—	Vay
6	116121014	Hoàng Trọng Nghĩa	11/12/1992	Nam	8,8	—	—	—	—	—	Vay

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: 00

Cán bộ coi thi 1: Lê Thị Thúy An

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 03 tháng 8 năm 22

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (24 -)/DA21CNTP

CBGD: Lê Thị Thúy An (ML09)

Hình thức đánh giá:.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

Phòng thi:.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116221001	Lâm Ngọc Châu	09/10/2003	Nữ	7,5	4,8	6,2	001	Chau		
2	116221002	Hứa Thị Bé Diễm	22/08/2003	Nữ	8,0	3,0	5,5	002	Die		
3	116221005	Nguyễn Văn Duy	07/09/2003	Nam	7,5	—	—	—			vắng
4	116221008	Lê Thị Ngọc Hân	24/11/2003	Nữ	7,5	2,3	4,9	004	Han		
5	116221009	Ngô Hoàng Hạnh	02/08/2003	Nam	7,5	5,3	6,4	005	Hanh		
6	116221010	Trần Thanh Hậu	12/08/2003	Nam	7,5	4,3	5,9	006	Hau		
7	116221015	Lưu Thanh Long	23/05/2003	Nam	7,5	4,0	5,8	007	Long		
8	116221016	Quách Hùng Lực	17/12/2003	Nam	7,5	4,0	5,8	008	Luc		
9	116221018	Lê Thị Ngân	18/05/2003	Nữ	7,5	3,8	5,7	009	Ngan		
10	116221019	Lê Thị Hồng Ngọc	20/05/2003	Nữ	7,5	3,5	5,5	010	Ngoc		
11	116221021	Kim Thị Nguyên	24/12/2003	Nữ	—	—	—	—			vắng
12	116221023	Huỳnh Thị Hồng Nhi	13/12/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	012	Nhi		
13	116221028	Lê Vũ Tâm	28/10/2003	Nam	7,5	4,5	6,0	013	Tam		
14	116221030	Huỳnh Phúc Thoại	06/03/2003	Nam	7,5	4,3	5,9	014	Thoai		
15	116221032	Nguyễn Thị Thư	02/04/2003	Nữ	—	—	—	—			vắng
16	116221037	Trần Thị Bích Trâm	20/11/2003	Nữ	—	—	—	—			vắng
17	116221038	Sơn Thị Huỳnh Trân	23/03/2003	Nữ	7,5	3,0	5,3	017	Tran		
18	116221040	Trương Thị Như Ý	25/03/2003	Nữ	7,5	4,3	5,9	018	Y		
19	116221042	Cao Thị Mộng Kiều	07/12/2003	Nữ	7,5	2,8	5,2	019	Kieu		
20	116221043	Trần Khả Vy	25/11/2002	Nữ	7,5	—	—	—			vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....%; Điểm KT:.....%

Trà Vinh, Ngày/.. tháng/.. năm/..

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

